CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex

Ngày 31/03/2025	34,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.8%	**46.8%**	**43.8%**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.13| -100%

LN thuần
Q1/25
-5.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.41| 6.9%
YoY: ▼0.83| -17.8%

LN sau thuế
Q1/25
-5.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.41| 6.9%
YoY: ▼0.83| -17.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-1.4%
YoY: +/-▼ 0.1%

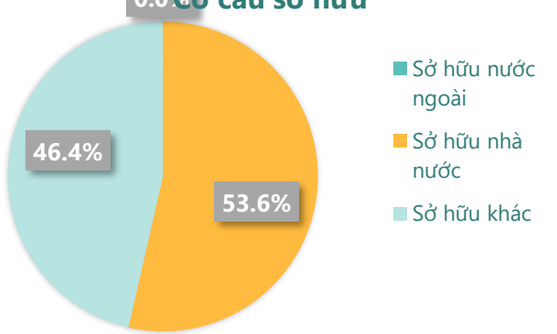
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,000 - 34,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,245
Số lượng CPLH (CP)	210,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	-108
P/E	-319.6

DT thuần
2024
3.13
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.1| -90.6%

LN thuần
2024
-21.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 273| 92.6%

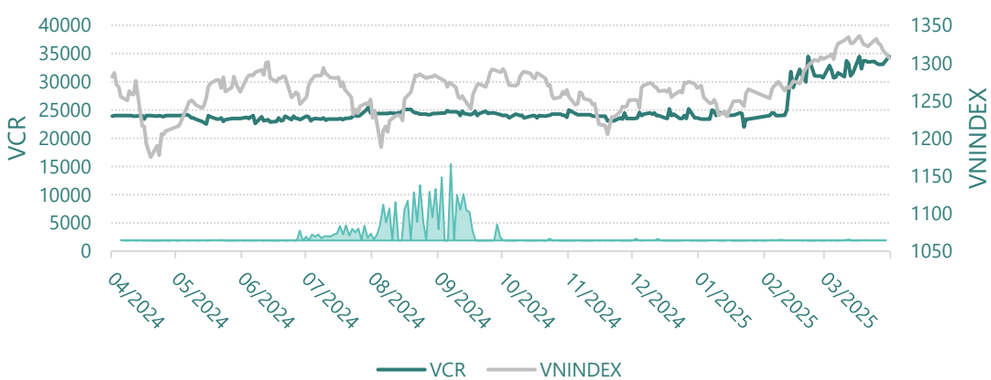
LN sau thuế
2024
-21.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 265| 92.4%

Cơ cấu sở hữu

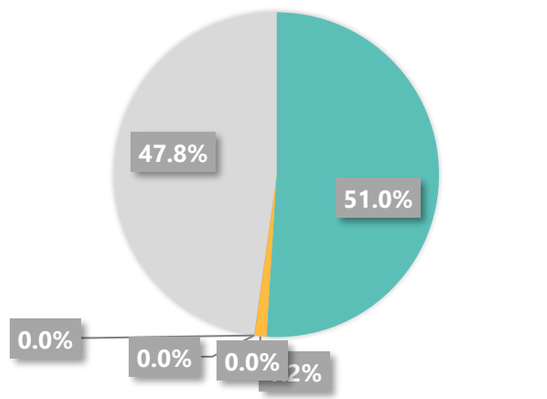


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



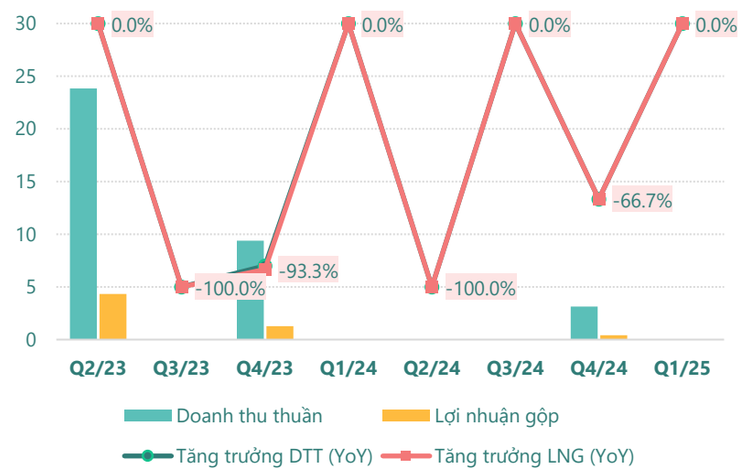
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

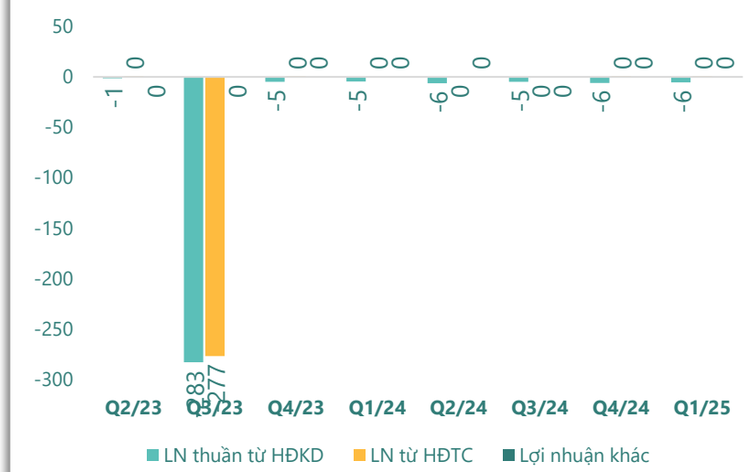
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



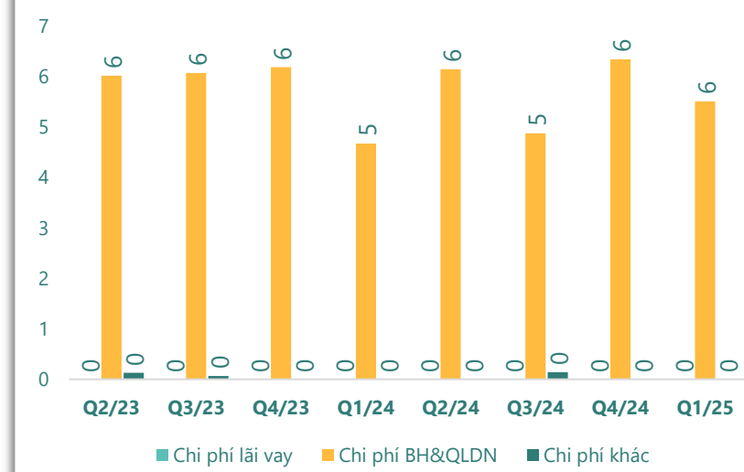
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



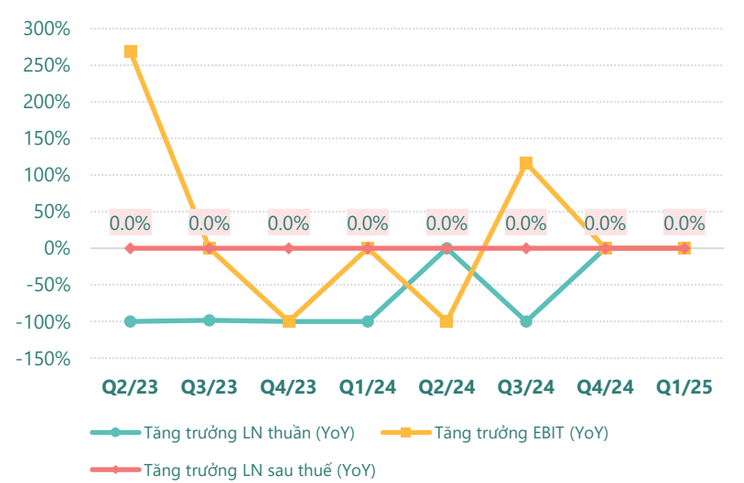
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



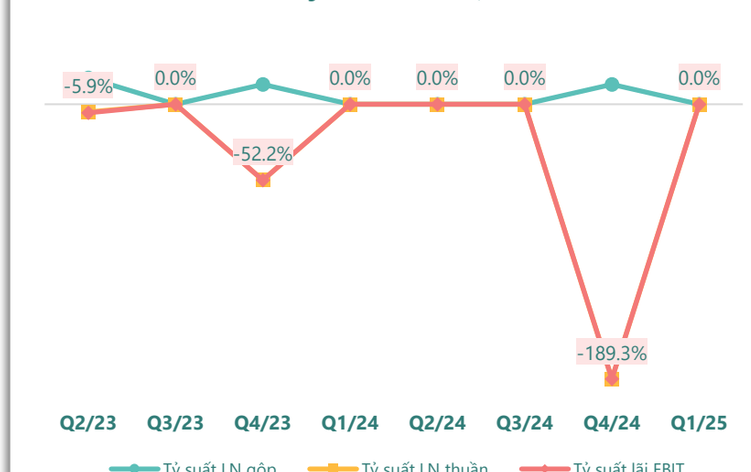
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



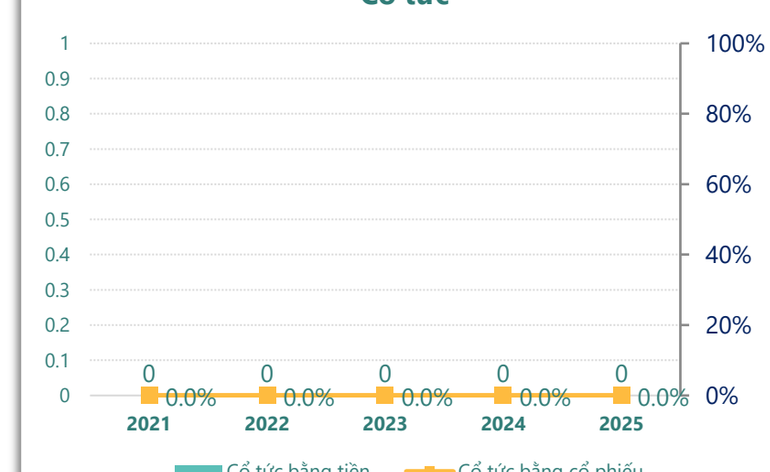
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

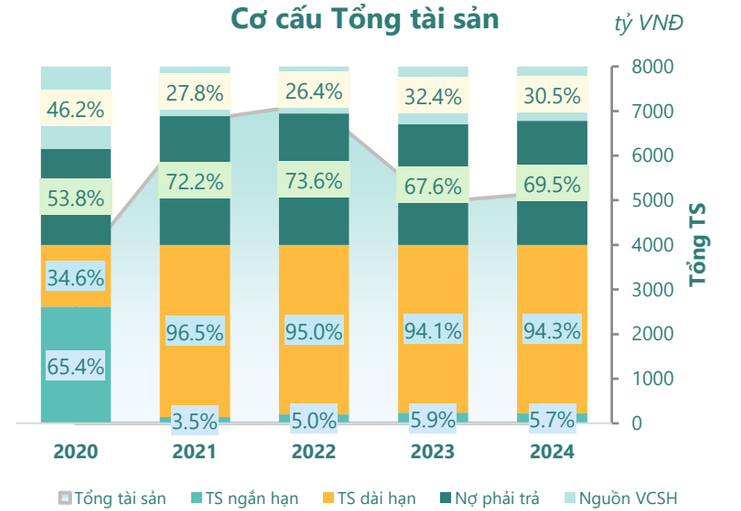
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

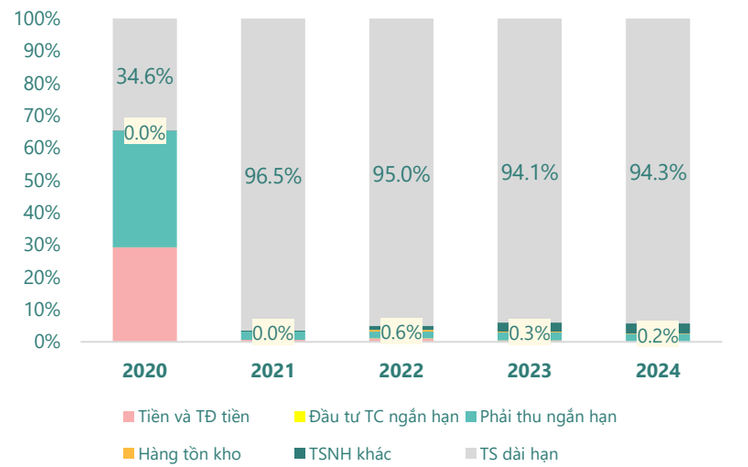
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



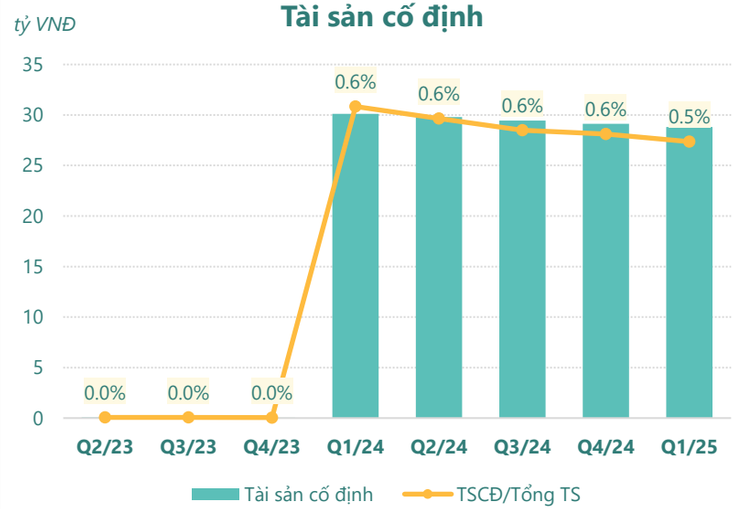
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



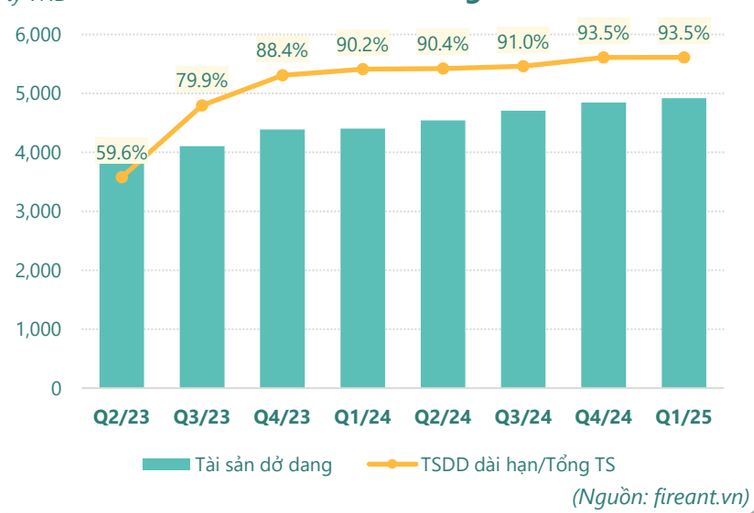
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



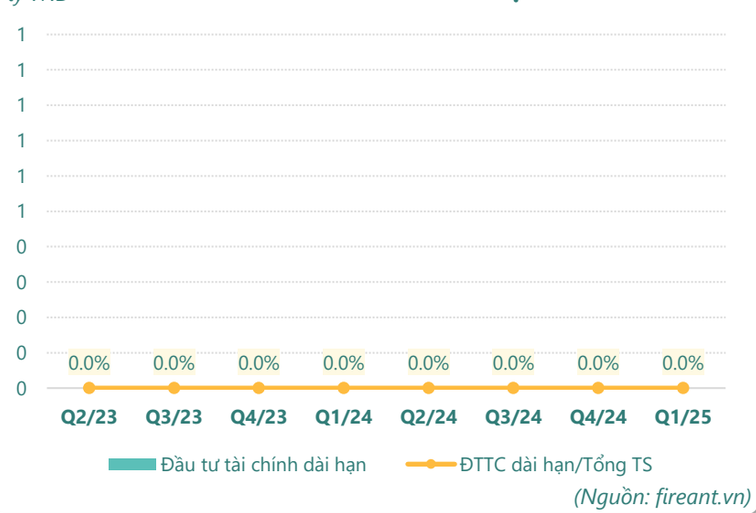
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



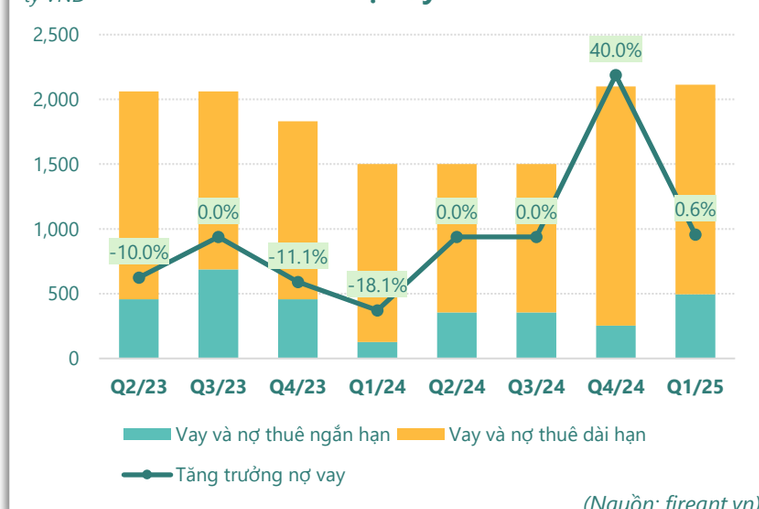
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

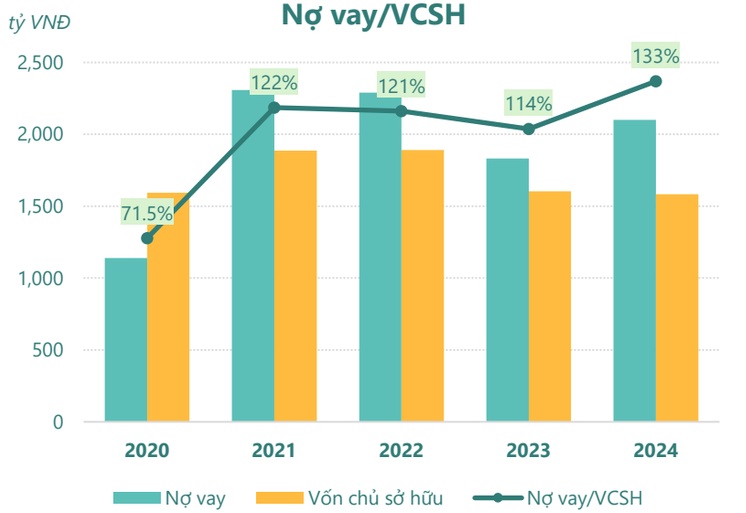
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

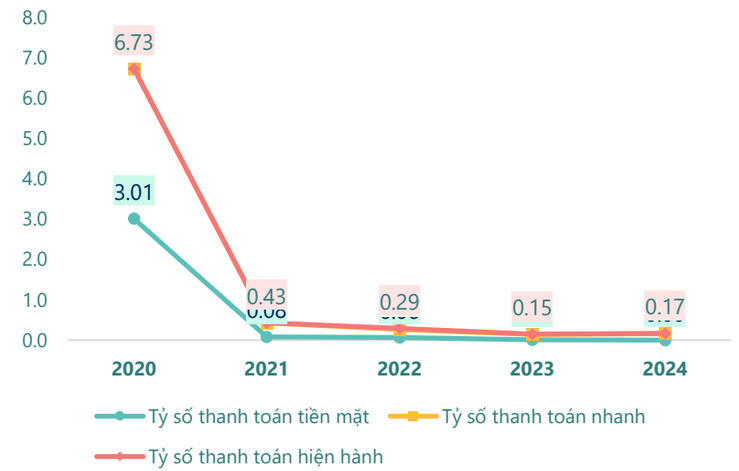
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



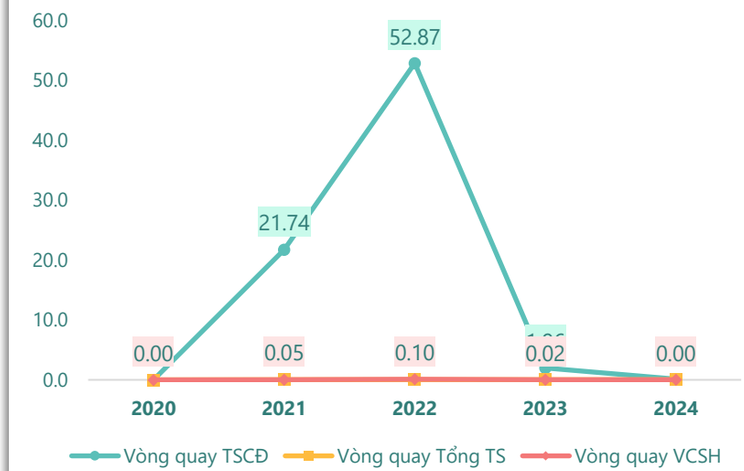
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



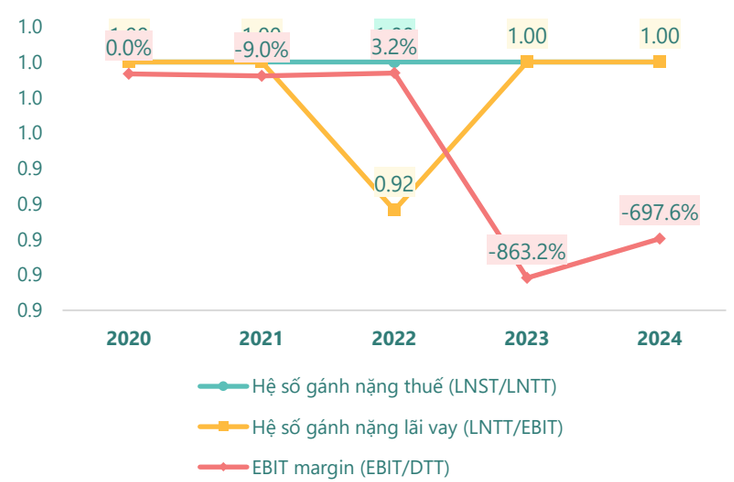
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



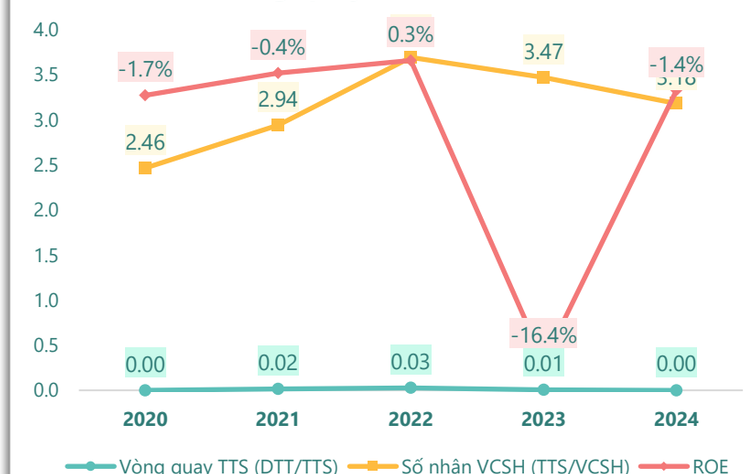
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



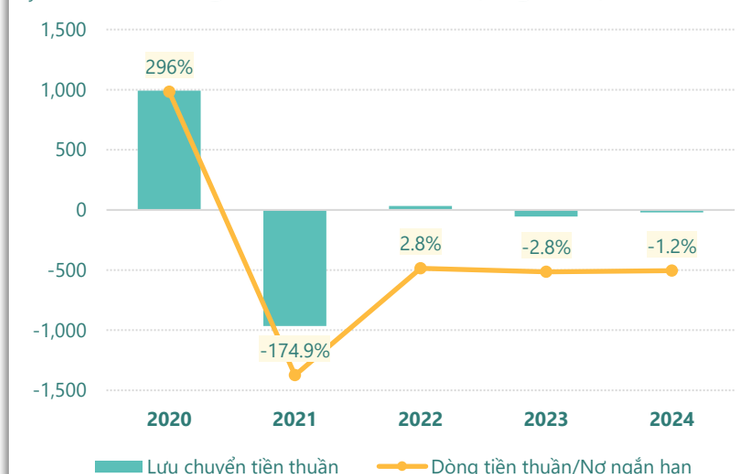
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**3.13**	**33.2**	**-90.6%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		2.70	27.6	-90.2%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0.43	5.61	-92.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-90.9%	0.01	0.88	-98.9%
Chi phí TC	0.00	0.01	-99.5%	0.06	277	-100.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.51**	**4.68**	**17.8%**	**22.1**	**24.0**	**-8.2%**
LN thuần từ HĐKD	-5.51	-4.68	-17.8%	-21.7	-295	92.6%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.14**	**7.91**	**-102%**
LN trước thuế	-5.51	-4.68	-17.8%	-21.8	-287	92.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.51**	**-4.68**	**-17.8%**	**-21.8**	**-287**	**92.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.51**	**-4.68**	**-17.8%**	**-21.8**	**-287**	**92.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	530	125	240	27.9	-459	64.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-283	187	-242	-27.7	-141	-75.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-229	-332	0	0	600	12.5
Tiền đầu kỳ	4.78	22.3	2.80	0.25	0.44	0.60
Lưu chuyển tiền thuần	**17.5**	**-19.5**	**-2.55**	**0.18**	**0.16**	**1.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.3	2.80	0.25	0.44	0.60	1.85

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,260**	**5,183**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	300	294	1.9%
Tiền và tương đương tiền	1.85	0.60	208%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0.04	-0.1%
Phải thu ngắn hạn	118	119	-0.7%
Hàng tồn kho	10.9	10.9	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	169	164	3.2%
Tài sản dài hạn	**4,960**	**4,889**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0.97	0.97	0.0%
Tài sản cố định	28.8	29.1	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,920	4,848	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.3**	**11.1**	**-7.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,683	3,600	2.3%
Nợ ngắn hạn	**2,065**	**1,754**	**17.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	495	253	95.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	485	463	4.8%
Nợ dài hạn	1,618	1,847	-12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,618	1,847	-12.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,577**	**1,583**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,577**	**1,583**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	2,100	2,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)